

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 06/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2022/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1971.

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn A, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Dương Thị L và ông Nông Văn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị L và ông Nông Văn A tổ chức lễ cưới vào năm 1989. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng bà về làm ăn và chung sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do bà và ông A không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà L và ông A có 03 con chung là cháu Nông Thị T, sinh ngày 15/3/1993; cháu Nông Thị C, sinh ngày 07/5/1995 và cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008. Hiện nay cháu T và cháu C đều đã trưởng thành bà không đề nghị Toà án xem xét, còn cháu T hiện nay đang ở cùng ông A. Khi ly hôn do cháu T đã đủ tuổi để lựa chọn nếu cháu chọn ở với ai bà cũng đều nhất trí.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 18/7/2022 ông Nông Văn A trình bày:

Ông và bà Dương Thị L tổ chức lễ cưới vào năm 1989. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng ông bà về làm ăn và chung sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L đi làm ăn xa nhà, từ khi đi làm ăn bà L không còn dành thời gian chăm sóc đến gia đình, quan tâm đến con cái. Từ những lý do trên khiến cho cuộc sống của vợ chồng ông ngày càng trở nên căng thẳng. Nay, bà L có đơn khởi kiện vụ án ly hôn ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông A xác định quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung là cháu Nông Thị T, sinh ngày 15/3/1993; cháu Nông Thị C, sinh ngày 07/5/1995 và cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008. Hiện nay cháu T và cháu C đều đã trưởng thành ông không đề nghị Toà án xem xét, còn cháu T hiện nay đang ở cùng ông. Ông đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và yêu cầu bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Ông A xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L, không công nhận bà Dương Thị L và ông Nông Văn A là vợ chồng. Giao cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008 cho ông Nông Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nông Văn T với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9

năm 2022 Bà L được quyền đi lại, thăm nom, đưa đón con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm bà Dương Thị L phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định ông Nông Văn A và bà Dương Thị L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Bà Dương Thị L và ông Nông Văn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 1989 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Nông Văn A, vợ Dương Thị L đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Bà Dương Thị L và ông Nông Văn A chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà Dương Thị L và ông Nông Văn A đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận bà Dương Thị L và ông Nông Văn A là vợ chồng.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn bà Dương Thị L có quan điểm đối với cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008 cháu đã đủ tuổi để thể hiện nguyện vọng cháu lựa chọn ở với ai bà cũng đều nhất trí. Ông Nông Văn A thể hiện quan điểm đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu T với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bà Dương Thị L thể hiện quan

điểm nhất trí về việc cấp dưỡng nuôi con chung như ông A yêu cầu. Bản thân cháu Nông Văn T cũng thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng ông A. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008 cho ông Nông Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2022. Bà Dương Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, đưa đón con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà L và ông A đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Dương Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nông Văn A không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với ông Nông Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị L và ông Nông Văn A là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Văn T, sinh ngày 21/8/2008 cho ông Nông Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2022. Bà Dương Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, đưa đón con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Dương Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002186 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà Dương Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nông Văn A không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

